

NGHIÊN CỨU NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN MỨC ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP LOGISTICS NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

TS. Đinh Thị Kim Xuyên*

Công bố thông tin trên báo cáo tài chính là nghĩa vụ bắt buộc đối với các doanh nghiệp niêm yết thuộc mọi loại hình kinh doanh, trong đó có doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics nhằm đảm bảo tính minh bạch thông tin. Bài viết này, phân tích các nhân tố tác động đến mức độ công bố thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Qua đó, đề xuất một số khuyến nghị.

• Từ khóa: nhân tố tác động; mức độ công bố thông tin; báo cáo tài chính; doanh nghiệp logistics.

The disclosure of information in financial reports is a mandatory obligation for listed companies across all business sectors, including those operating in the logistics field, to ensure transparency. This article analyzes the factors that influence the level of information disclosure in the financial reports of logistics companies listed on the Vietnamese stock market. Based on this analysis, several recommendations are proposed.

• Key words: *influencing factors; level of information disclosure; financial reports; logistics companies.*

Ngày gửi bài: 03/02/2025

Ngày gửi phản biện: 24/02/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 08/3/2025

Ngày chấp nhận đăng: 28/3/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i286.04>

1. Giới thiệu

Nghiên cứu công bố thông tin của doanh nghiệp là một trong những vấn đề đã và đang được nhiều nhà quản lý và các nhà chuyên môn quan tâm. Tuy nhiên, trong lĩnh vực hoạt động logistics ở Việt Nam - một loại hình kinh doanh có nhiều đặc điểm phức tạp thì những nghiên cứu này thường chưa được nhiều người đề cập đến. Do đó, việc mở rộng hướng nghiên cứu đối với các doanh nghiệp logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua nhận diện một cách đầy đủ các nhân tố tác động đến mức độ công bố thông tin trong các doanh nghiệp thuộc loại hình này là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Nghiên cứu tập trung sử dụng mô hình hồi quy đa biến để phân tích các nhân tố tác động đến mức độ công bố thông tin trên báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp thuộc loại hình này. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp logistics niêm yết hiểu rõ hơn bản chất của việc công bố thông tin, giúp cho các nhà đầu tư đánh giá chính xác về các hành vi của các doanh nghiệp, đồng thời là động lực thúc đẩy tính minh

bạch trong việc công bố thông tin nhằm thu hút đầu tư, góp phần phát triển bền vững.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Theo VAS 21 - Chuẩn mực trình bày báo cáo tài chính thì báo cáo tài chính (BCTC) phản ánh theo một cấu trúc chặt chẽ tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Mục đích của BCTC là cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và dòng tiền của doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu hữu ích cho số đông những người sử dụng trong việc đưa ra quyết định kinh tế. Vì vậy, công bố thông tin trên BCTC là nghĩa vụ bắt buộc đối với các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán nhằm đảm bảo tính minh bạch thông tin, góp phần đảm bảo độ tin cậy cao đối với các đối tượng sử dụng thông tin trong BCTC của doanh nghiệp;

Lý thuyết về thông tin hữu ích cho rằng doanh nghiệp phải công bố những thông tin hữu ích thông qua hệ thống BCTC cho nhà đầu tư phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh tế. MalsKajo (2011) nhấn mạnh rằng BCTC cung cấp thông tin hữu ích và phù hợp cho người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Các nhà nghiên cứu cũng đã kiểm chứng được sự tác động của các nhân tố bên trong và bên ngoài có tác động đến mức độ công bố thông tin của doanh nghiệp logistics.

Nghiên cứu của David (2012), về mức độ tác động của các yếu tố quyết định đến việc thông tin được dự định công bố trên BCTC của gần 100 công ty phi tài chính thuộc Cộng hòa Kenya - một quốc gia đang phát triển trong giai đoạn từ 2009 đến 2011. Kết quả cho thấy, hiệu quả tài chính, tính thanh khoản, chi phí vốn và sở hữu của các tổ chức bên ngoài là những nhân tố có tác động cùng chiều đến mức độ công bố thông tin trên BCTC trong tương lai. Trong khi đó, quy mô công ty và loại hình doanh nghiệp không ảnh hưởng đến vấn đề công bố thông tin.

Ở Việt Nam, tác giả Nguyễn Hữu Cường (2016), nghiên cứu về công bố thông tin trên BCTC và đánh giá

* Trường ĐH Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

mức độ tuân thủ về thông tin của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán thuộc 7 nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, đã chỉ ra kết quả của 4 biến độc lập ảnh hưởng đến việc áp dụng theo IFRS và loại hình kiểm toán có tác động cùng chiều đến mức độ công bố thông tin trên BCTC, trong khi 2 biến còn lại lại cho kết quả ngược chiều. Tác giả Dương Ngọc Như Quỳnh (2017) nhận diện các nhân tố tác động và đánh giá mức độ công bố thông tin tùy ý trên BCTC giữa niên độ và BCTC định kỳ năm 2016 của 100 công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả cho thấy, chỉ có 1 nhân tố là khả năng thanh toán có tác động cùng chiều, các nhân tố còn lại không có sự tác động nào.

2.2. Xây dựng giả thuyết

Giả thuyết H1. Quy định pháp lý có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ công bố thông tin của DN Logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Các quy định của UBCKNN và Sở GDCK có ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ công bố thông tin của các doanh nghiệp niêm yết nói chung và doanh nghiệp logistics nói riêng. Khi các văn bản pháp lý của các cơ quan nói trên về các quy định có liên quan đến công bố thông tin trên BCTC, các doanh nghiệp cần phải thực hiện một cách nghiêm túc, khi đó ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ công bố thông tin; quy định càng chặt chẽ càng đảm bảo các doanh nghiệp tăng cường mức độ công bố thông tin. Theo Luật Chứng khoán, yêu cầu công bố thông tin đối với các DNNY nói chung và DNNY thuộc loại hình logistics ngày càng nghiêm ngặt hơn. Vì thế, quy định pháp lý là nhân tố ảnh hưởng cùng chiều với mức độ công bố thông tin của doanh nghiệp logistics niêm yết.

Giả thuyết H2. Áp lực của thị trường và nhà đầu tư có ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của doanh nghiệp Logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán

Trước áp lực của thị trường cũng như của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp niêm yết nói chung và doanh nghiệp logistics nói riêng có tính cạnh tranh cao cần có sự công bố thông tin minh bạch hơn, với mục đích để thu hút các nhà đầu tư. Mặt khác, các cổ đông và các quỹ đầu tư thường yêu cầu doanh nghiệp phải cung cấp thông tin với mức độ cao hơn nhằm đảm bảo tính minh bạch, trung thực và chính xác. Khi áp lực của thị trường và các nhà đầu tư càng cao thì mức độ công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp cũng càng cao. Vì thế, Áp lực của thị trường và nhà đầu tư có ảnh hưởng cùng chiều đến mức độ công bố thông tin của doanh nghiệp Logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Giả thuyết 3. Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số có ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của doanh nghiệp Logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán

Việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong công bố thông tin trên BCTC, đảm bảo công bố thông tin nhanh hơn, chính xác hơn. Đó cũng là yêu cầu của các đối tác kinh doanh

và các nhà đầu tư, các cơ quan quản lý, cơ quan kiểm toán... Mặt khác, Xu hướng môi trường, xã hội và quản trị (ESG) đòi hỏi các doanh nghiệp Logistics cần có sự minh bạch hơn trong công bố các thông tin liên quan đến phát triển bền vững. Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số càng cao thì mức độ công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp càng cao. Vì vậy, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số có ảnh hưởng cùng chiều với công bố thông tin của doanh nghiệp logistics.

Giả thuyết 4. Mức độ cạnh tranh trong ngành có ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin của doanh nghiệp Logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán

Trong bối cảnh hiện nay, cạnh tranh lành mạnh luôn là vấn đề được đánh giá để phát triển doanh nghiệp. Đối với các DN logistic lớn thường có mức độ công bố thông tin cao hơn để duy trì lợi thế cạnh tranh, còn đối với các doanh nghiệp nhỏ hơn thường không muốn tiết lộ thông tin để tránh đối thủ cạnh tranh khai thác thông tin.

Giả thuyết 5. Quy mô doanh nghiệp ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp Logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán

Quy mô của doanh nghiệp được hiểu là tổng tài sản và doanh thu của doanh nghiệp. Quy mô doanh nghiệp càng lớn sẽ càng có điều kiện và cần thiết phải công bố thông tin BCTC của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin kịp thời và đầy đủ cho các đối tượng sử dụng thông tin của doanh nghiệp. Về lý thuyết cũng như hầu hết các nghiên cứu của các tác giả như Zeitun & Tian (2007); Mja Pervan & Josipa Visie (2012) đều cho rằng quy mô của doanh nghiệp có tác động tích cực đối với vấn đề công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp. Trong nghiên cứu của mình, tác giả Zhang xiaoWei (2018), cho rằng: Tổng tài sản và tổng doanh thu của doanh nghiệp có tác động lớn đến công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp. Nghĩa là, quy mô của doanh nghiệp càng lớn thì mức độ công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp càng cao. Vì vậy, Quy mô doanh nghiệp ảnh hưởng cùng chiều với mức độ công bố thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp Logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Giả thuyết 6. Cơ cấu sở hữu của doanh nghiệp ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp Logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán

Trên thực tế, hiện nay ở Việt Nam, doanh nghiệp có tỷ lệ sở hữu Nhà nước càng cao thường có mức độ công bố thông tin trên BCTC càng lớn. Điều đó, bởi do yêu cầu về các quy định quản lý của Nhà nước chặt chẽ hơn. Ngoài ra, doanh nghiệp có sở hữu của nước ngoài lớn cũng có xu hướng minh bạch hơn, đó là do yêu cầu của việc tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế. Vì vậy, có thể nói, cơ cấu sở hữu của doanh nghiệp ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp Logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Giả thuyết 7. Hiệu quả tài chính của doanh nghiệp ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp Logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán

Hiệu quả tài chính của doanh nghiệp phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kinh doanh (thông qua chỉ tiêu lợi nhuận) và có tác động lớn đến công bố thông tin trên BCTC, cụ thể là trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận của doanh nghiệp càng cao, càng thể hiện doanh nghiệp có sự cố gắng tăng doanh thu, giảm chi phí và đó là những thông tin mà các đối tượng sử dụng thông tin của doanh nghiệp cần cho việc quyết định đầu tư vào doanh nghiệp đó hay không. Doanh nghiệp có tình hình tài chính tốt thường công bố thông tin nhiều hơn nhằm thu hút nhà đầu tư và gây sức ảnh hưởng đối với xã hội cũng như cộng đồng doanh nghiệp. Doanh nghiệp có khả năng về tài chính hạn hẹp thường hạn chế công bố thông tin với mục đích tránh tác động đến giá cổ phiếu. Vì vậy, hiệu quả tài chính của DN ảnh hưởng cùng chiều với mức độ công bố thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp Logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Giả thuyết 8. Tình hình quản trị của doanh nghiệp ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp Logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán

Các doanh nghiệp có quản trị tốt, Hội đồng quản trị chuyên nghiệp và kiểm toán độc lập thường công bố thông tin minh bạch hơn các doanh nghiệp có quản trị không tốt, HĐQT không chuyên nghiệp. Mặt khác, doanh nghiệp quản trị tốt sẽ áp dụng IFRS hiệu quả hơn, giúp cho DN nâng cao mức độ công bố thông tin. Vì thế, tình hình quản trị của doanh nghiệp ảnh hưởng cùng chiều với mức độ công bố thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp Logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng số liệu thu thập được từ các BCTC của 39 doanh nghiệp logistics niêm yết trên 2 sàn chứng khoán Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian 5 năm liên tục từ 2021 đến 2024. Trong đó, 17 DN niêm yết trên HNX và 22 DN trên sàn HOSE. Như vậy, sẽ có $39 \times 4 = 156$ quan sát.

Tác giả sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 16.0, thông qua bảng dữ liệu chuỗi thời gian và sử dụng phương pháp bình phương bé nhất để kiểm định mô hình hồi quy.

2.4. Các biến trong mô hình

Biến phụ thuộc: Biến phụ thuộc được đo lường là các chỉ mục được công bố trên BCTC theo VAS 21, cụ thể là phần thuyết minh BCTC chọn lọc, mục thông tin được công bố sẽ nhận giá trị 1 mã hóa cho dữ liệu, không công bố sẽ nhận giá trị 0.

Biến độc lập: Các biến độc lập được mô tả và đo lường trong mô hình nghiên cứu thể hiện theo bảng 1.

Bảng 1. Mô tả các biến độc lập trong mô hình hồi quy

Ký hiệu biến	Mô tả	Đo lường
PL	Quy định pháp lý	Mức độ chặt chẽ của các quy định pháp lý
AL	Áp lực thị trường và nhà đầu tư	
CNCS	Ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số	Các chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ITC index
MCT	Mức độ cạnh tranh nội bộ ngành	Các chỉ số phản ánh mức độ cạnh tranh của DN
QMDN	Quy mô doanh nghiệp	Logarit của Tổng tài sản
CCSH	Cơ cấu sở hữu	Tỷ lệ vốn của sở hữu
HQTC	Hiệu quả tài chính	Logarit lợi nhuận sau thuế
THQT	Tình hình quản trị	Năng lực quản trị; tính chuyên nghiệp của HĐQT

Mô hình hồi quy: Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu của một số tác giả về các nhân tố tác động đến công bố thông tin trên BCTC... Nếu ký hiệu tác động đến công bố thông tin trên BCTC của các doanh nghiệp niêm yết là CBTT và các nhân tố tác động đến CBTT trên đây theo thứ tự PL, AL, CNCS, MCT, QMDN, CCSH, HQTC và THQT, khi đó mô hình nghiên cứu sẽ có dạng sau:

$$CBTT = \beta_0 + \beta_1 PL + \beta_2 AL + \beta_3 CNCS + \beta_4 MCT + \beta_5 QMDN + \beta_6 CCSH + \beta_7 HQTC + \beta_8 THQT + \varepsilon$$

Trong đó:

CBTTi là hệ số hồi quy (còn gọi là mức độ tác động của i đến CBTT (công bố thông tin; $i = (1 - 8)$)

ε là phần dư của hàm hồi quy hay là mức độ tác động bởi các nhân tố khác chưa được tìm thấy.

2.5. Kết quả nghiên cứu

* *Kiểm định ma trận hệ số tương quan*

Bảng 2. Ma trận hệ số tương quan giữa biến phụ thuộc và biến độc lập

	CB	QMDN	CCV	LN	TTK	ĐBTC	CSCT	TSL	
		PL	AL	CNCS	MCT	QMDN	CCSH	HQTC	THQT
CBTT Hệ t Pearson	1	,325**	-0,48	,455**	-0,96	0,483	,308	0,321**	0,58
Giá trị Sig.		,000	,652	,000	,292	,000	,0425	,000	,305
Số lượng	156	156	156	156	156	156	156	156	156

Nguồn: Số liệu phân tích từ phần mềm SPSS

Kết quả kiểm định tính tương quan giữa các biến đối với mức độ công bố thông tin cho thấy, 4 biến tương quan với biến phụ thuộc là PL, CNCS, HQTC và QMDN với Sig = 0,000.

* *Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình*

Bảng 3. Đánh giá sự phù hợp của mô hình

Mô hình	R	R ²	R ² hiệu chỉnh	Durbin- Watson
CBTT	,496 ^a	,756	,229	1,916

Nguồn: Số liệu phân tích từ phần mềm SPSS

Kết quả bảng 3 cho thấy hệ số R² hiệu chỉnh (Kiểm định F có Sig < 0.01).

R² = 0,756 > 0,7. Như vậy, có nghĩa là 75,6% sự thay đổi của biến CBTT (công bố thông tin) được giải thích bởi các biến độc lập. Ngoài ra, Giá trị Durbin-Watson = 1,916 gần 2. Điều đó có thể chấp nhận giả thuyết không có sự tự tương quan chuỗi bậc nhất.

Kết quả phân tích trên cho thấy kiểm định F = 112,562 với P-Value = 0,000 < 0,05. Như vậy, mô hình xây dựng có ý nghĩa thống kê; bác bỏ giả thuyết $\beta_j = 0$. Điều này, chứng tỏ mô hình xây dựng phù hợp với tổng thể.

Bảng 4. Kết quả kiểm định giả thuyết về độ phù hợp của mô hình

Model	Sum of Square	Df	Mean Square	F	Sig.
Regression	282,624	5	41,086	112,562	,000 ^a
Residual	84,535	152	,364		
Total	367,159	156			

a. Predictors: (Constant); b. Dependent Variable

*** Kết quả hồi quy**

Căn cứ vào kết quả kiểm định ở trên, tác giả tiến hành thực hiện hồi quy cho mô hình CBTT dựa trên các biến độc lập. Kết quả như sau:

Bảng 5. Kết quả hồi quy của mô hình

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa		t	Sig
	B	Sai số chuẩn	Beta			
CBTT (hằng số)	,244	,106			2,191	,030
PL	,018	,009	,184		1,932	,040
CNCS	,026	,011	,273		2,763	,006
HQTC	,024	,006	,179		2,095	,035
QMDN	,005	,005	,175		1,926	,032

Nguồn: Phân tích từ phần mềm SPSS

Kết quả bảng 5 cho thấy cả 3 biến (PL, CNCS, QMDN) trong mô hình đều có tác động cùng chiều với mức độ công bố thông tin. Mô hình hồi quy như sau:

$$CBTT = 0,184PL + 0,273CNCS + 0,179HQTC + 0,175QMDN + \varepsilon$$

Mô hình hồi quy trên cho thấy, hệ số 0,184 > 0, thấy rằng, quy định pháp lý có tác động tích cực đến mức độ công bố thông tin trên BCTC. Điều này có nghĩa là khi các quy định mang tính pháp lý tăng lên 1 đơn vị thì mức độ công bố thông tin trên BCTC tăng lên tương ứng 0,184 đơn vị, khi các yếu tố tác động đồng thời.

Tương tự, hệ số của biến CNCS = 0,273 > 0; hệ số của biến HQTC = 0,179 > 0 và biến CSCT = 0,175 > 0, cả 3 nhân tố này đều có tác động cùng chiều đến công bố thông tin trên BCTC. Trong đó, cho thấy nhân tố Công nghệ, chuyển đổi số (CNCS) là lớn nhất (0,273 > 0,184 > 0,179 > 0,175), tác động mạnh nhất, thể hiện tầm quan trọng của biến công nghệ và chuyển đổi số đối với mức độ công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp, thứ hai là nhân tố quy định pháp lý, thứ ba là nhân tố Hiệu quả tài chính và cuối cùng là nhân tố Quy mô doanh nghiệp.

3. Kết luận và khuyến nghị

Từ dữ liệu sử dụng 156 mẫu nghiên cứu của 39 doanh nghiệp logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong giai đoạn 2021-2024 bằng các nhân tố tác động đến mức độ công bố thông tin BCTC, kết quả cho thấy trong 8 biến độc lập được sử dụng trong mô hình thì có 4 biến (PL, CNCS, HQTC và QMDN) có tác động đến mức độ công bố thông tin theo chiều thuận. Trong đó, biến CNCS có tác động mạnh nhất đến mô hình. Căn cứ vào đó, có thể đề xuất chính sách cho các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán để có thể nâng cao mức độ công bố thông tin trên BCTC thông qua việc gia tăng cường công nghệ và chuyển đổi số trên cơ sở đầu tư nguồn tài chính cho đầu tư công nghệ, mua sắm tăng thiết bị, đào tạo nhân lực cho chuyển đổi số, tăng quy mô doanh nghiệp bằng cách tăng tổng tài sản

và doanh thu nhằm tăng tiềm lực tài chính, gia tăng lợi nhuận của doanh nghiệp.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu trên, tác giả đề xuất một số khuyến nghị về chính sách nhằm góp phần nâng cao mức độ công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp Logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Một là, doanh nghiệp logistics cần tăng cường nguồn tài chính cho đầu tư trang thiết bị, nâng cấp cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển công nghệ số, chuyển đổi số, từ đó nâng cao được hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh và tăng cường công bố thông tin trên BCTC.

Hai là, huy động vốn để tăng tổng tài sản của doanh nghiệp. Thực hiện giải pháp này, thông qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường cũng như huy động vốn thông qua liên doanh, liên kết với các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước để tăng vốn, góp phần tăng tài sản của doanh nghiệp; giảm bớt vay nợ. Vốn kinh doanh càng cao, thể hiện quy mô doanh nghiệp càng lớn, khi đó có tác động tích cực đến công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp. Khi quy mô doanh nghiệp tăng lên sẽ có tác động cùng chiều với công bố thông tin trên BCTC, doanh nghiệp thấy được sự cần thiết phải công bố thông tin để đáp ứng thông tin cho các đối tượng sử dụng. Mặt khác, đổi mới phương thức kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và chất lượng phục vụ khách hàng để tăng doanh thu bán hàng. Phương thức kinh doanh được đổi mới, chính sách bán hàng phù hợp, chất lượng sản phẩm, dịch vụ và chất lượng phục vụ khách hàng được nâng cao sẽ dẫn đến tăng doanh thu bán hàng. Đây cũng là một trong những nhân tố tạo uy tín cho doanh nghiệp và thúc đẩy tăng quy mô doanh nghiệp, tạo điều kiện trong việc tăng thêm công bố thông tin trên BCTC.

Ba là, nâng cao hiệu quả tài chính của doanh nghiệp trên cơ sở quản lý chặt chẽ chi phí, cắt giảm các chi phí không cần thiết nhằm tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Lợi nhuận tăng lên là một trong những điều kiện quan trọng và có tác động mạnh đến công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp. Chính vì vậy, quản lý chặt chẽ chi phí kinh doanh là nhân tố chủ yếu để tăng lợi nhuận, dẫn đến nâng cao công bố thông tin trên BCTC của doanh nghiệp.

Bốn là, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các Sở giao dịch chứng khoán cần rà soát các quy định mang tính pháp lý nhằm tăng cường tính tuân thủ của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics trong công bố thông tin thông qua việc thường xuyên kiểm tra tính tuân thủ các quy định đối với các doanh nghiệp này.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Tài chính (2015), Thông tư số 155/2015/TT-BTC, hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán cho các công ty đại chúng.
 Ngô Thị Kim Hòa (2018), nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến công bố thông tin trên báo cáo tài chính doanh nghiệp, Tạp chí Nghiên cứu tài chính số tháng 2/2022.
 Zhang xiao Wei (2018), "Research on factors affecting the level of information disclosure on financial statements of enterprises", American Academic & Scholarly Research Journal, 4(5).
 Báo cáo tài chính năm 2021-2024 của 39 doanh nghiệp logistics niêm yết trên HOSE và HNX.